

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 10 - 8 - 2023.

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lư Văn Sĩ.

2. Bà Hoàng Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: A, B, C, Hoa Kỳ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần C trình bày: Chị và anh Trần L kết hôn vào ngày 09 tháng 4 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang. Sau khi kết hôn, anh Trần L trở về Hoa Kỳ, không quan tâm liên lạc gì đến chị. Thời gian sống ly thân đã lâu và tình cảm vợ chồng không còn, nên chị Trần C yêu cầu được ly hôn với anh Trần

L.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần C khai không có.

Đối với bị đơn là anh Trần L, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự cho anh Trần L, nhưng anh Trần L vắng mặt và cũng không có gửi văn bản nêu ý kiến gì để phản hồi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu, trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần C được ly hôn với anh Trần L. Riêng về con chung, tài sản chung và nợ chung, do đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần C, địa chỉ thường trú tại ấp B, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang, có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Trần L cư trú tại Hoa Kỳ. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

[2] Bị đơn anh Trần L đã được Tòa án tiến hành thực hiện ủy thác tư pháp để tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự cho anh Trần L, nhưng anh Trần L vắng mặt và cũng không có gửi văn bản nêu ý kiến gì để phản hồi đến Tòa án. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 447 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử vắng mặt đối với anh Trần L.

Đối với chị Trần C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần C và anh Trần L có đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 4 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang, nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét thấy, sau khi kết hôn thì anh Trần L trở về Hoa Kỳ, không còn quan tâm liên lạc gì đến chị Trần C, thời gian anh, chị sống ly thân cũng đã lâu, hôn

nhân không hạnh phúc. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Trần C và anh Trần L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho chị Trần C được ly hôn với anh Trần L là phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Trần C khai không có.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; Chi phí bưu chính gửi tổng đạt (Thông báo về việc thụ lý vụ án): Chị Trần C phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 470, Điều 474, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Thông tư số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 122 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần C được ly hôn với anh Trần L.
2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí chị Trần C đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000188 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí.
3. Chi phí bưu chính gửi tổng đạt (Thông báo về việc thụ lý vụ án): Chị Trần C phải chịu 1.256.000 đồng (đã nộp xong).
4. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày và bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- UBND huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Đình Nghệ